TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Đồng và bà Mai Thị Dao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tường V, sinh năm: 1976; Căn cước công dân số: 044076002275; địa chỉ: Thôn V, xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị N, sinh năm: 1979; Căn cước công dân số: 044179002085; nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã Q, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tường V trình bày: Ông và bà N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã P, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 28 tháng 3 năm 2005. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì bà N bỏ đi khỏi nhà, sau đó bị Lệnh truy nã toàn quốc. Ông và người thân nhiều lần liên hệ qua Facebook vận động bà N ra đầu thú nhưng không thành, từ đó đến nay không rõ tin tức và địa chỉ của bà N. Nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, bà N không có vai trò và trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình nên ông yêu cầu Toà án

giải quyết cho được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2005 và Nguyễn Xuân G, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2012. Con chung T đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết; đối với con chung Giao, ông yêu cầu cho được nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Đinh Thị N: Bà N hiện không có mặt ở địa phương; kết quả xác minh tại Phòng Q, Công an tỉnh Q thể hiện: Bà Đinh Thị N, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1979 đã xuất cảnh ngày 16 tháng 12 năm 2020 qua Sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh.

Ông Đinh Xuân S trình bày: Ông là anh trai bà N, có liên lạc qua mạng xã hội để anh em gặp nhau; hiện bà N đang sinh sống tại Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Ông nhận Thông báo thụ lý vụ án của Toà án và sau này là Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Thông báo thay đổi thời gian đưa vụ án ra xét xử và đều đã báo cho em gái biết.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, có vi phạm về thời gian mở phiên tòa sớm hơn thời gian tối thiểu theo quy định nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, đây là phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông V được ly hôn với bà N. Giao cháu G cho ông V chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc ông V chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà N có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn V, xã Q, tỉnh Quảng Trị); chỗ ở hiện nay tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Khu vực 3, tỉnh

Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Theo thông tin nguyên đơn cung cấp, quá trình xác minh, bà N đã xuất cảnh sang Đài Loan. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo phương thức niêm yết và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 173 và các khoản 1, 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do; ông V có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông V và bà N kết hôn tự nguyện có đăng ký, không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, ông V thừa nhận cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N bỏ đi từ năm 2020, ông V liên lạc qua mạng xã hội để thuyết phục động viên bà N về chung sống xây dựng gia đình nhưng không thành và hiện tại chỉ biết sinh sống tại Đài Loan chứ không biết địa chỉ cụ thể. Thấy bà N không có vai trò và trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình nên ông V yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với bà N. Xét mâu thuẫn giữa ông V và bà N bắt nguồn từ việc bà N tự ý bỏ nhà đi, dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau, ông V đã cố gắng thuyết phục bà N về chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà N bỏ mặc, không quan tâm đến gia đình, không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện các biện pháp tống đạt nhưng bà N vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông V, không động thái hay biện pháp níu kéo, cứu vãn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy cần giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn để giải quyết cho ông V được ly hôn với bà N.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2005 và Nguyễn Xuân G, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2012. Con chung Nguyễn Hữu T đã trưởng thành, ông V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đối với con chung Nguyễn Xuân G, ông V yêu cầu được nuôi con sau ly hôn, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung Nguyễn Xuân G đang ở với ông V và cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Bà N đang sinh sống tại Đài Loan, không thể trực tiếp nuôi con cũng như không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện, giao cháu Nguyễn Xuân G cho ông V tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Ông V không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông V chịu án phí ly hôn.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Vy chịu toàn bộ chi phí.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 469, 474, 477 và 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tường V.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Tường V được ly hôn bà Đinh Thị N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân G, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2012 cho ông Nguyễn Tường V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu tròn 18 tuổi. Bà Đinh Thị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, bà N có quyền qua lại thăm con; ông V và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; khi cần thiết ông, bà có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tường V chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000839 ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tường V chịu và nộp đủ số tiền 2.250.000 đồng chi phí đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

4. Ông Nguyễn Tường V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Đinh Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV3;
- Các đương sự,
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Phú Trạch
(xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch cũ);
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phan Anh Đức